TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 6

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 268, 286, 168, 269 là:

A. 268 **B.** 168 **C.** 286 **D.** 269

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 16 : ……. = 8

A. 14 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 10

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép chia 36 : 4 là:

A. 32 **B.** 10 **C.** 8 **D.** 9

Câu 4. *(0,5 điểm)* Giảm 56 đi 8 lần được:

A. 8 **B.** 7 **C.** 48 **D.** 448

Câu 5. *(0,5 điểm)* Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/8 **B.** 1/3 **C.** 1/6 **D.** 1/2

Câu 6. *(0,5 điểm)* Nước sôi ở nhiệt độ:

A. 37 °C **B.** 0 °C **C.** 100 °C **D.** 50 °C

Câu 7. *(0,5 điểm)* Hình tứ giác có bao nhiêu cạnh?

A. 4 cạnh **B.** 3 cạnh **C.** 5 cạnh **D.** 6 cạnh

Câu 8. *(0,5 điểm)* H là trung điểm của đoạn thẳng EG. Biết EG = 16 cm, độ dài đoạn EH là:

A. 16 cm **B.** 14 cm **C.** 8 cm **D.** 32 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 5 × 4 = 20	
b) 15 + 4 × 3 = 57	
c) Hình tròn bán kính 12 cm thì đường kính là 24 cm	
d) 1/3 của 21 là 18	

Câu 10. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) 379 + 65 × 8 = …….

b) 143 − 56 : 7 = …….

c) (92 + 51) × 4 = …….

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 21, 28, ……., ……., 49, 56

b) 236, 336, ……., 536, ……., 736

Câu 12. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 7 × 7 ……. 46

b) 1 kg ……. 1100 g

c) 3 m 2 cm ……. 302 cm

d) 1/6 của 36 ……. 1/5 của 15

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/5 của 45 l là ……. l

b) 1/3 của 18 cm là ……. cm

c) 1/2 của 14 bạn là ……. bạn

Câu 14. *(1 điểm)* Lớp 3A có 31 học sinh, mỗi bàn ngồi 3 bạn. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu cái bàn để tất cả học sinh đều có chỗ ngồi?

a) Trả lời: Cần ít nhất ……. cái bàn

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 6

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	B	D	B	A	C	A	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) Đ; b) S; c) Đ; d) S

Câu 10.

a) 379 + 65 × 8 = 379 + 520 = 899

b) 143 − 56 : 7 = 143 − 8 = 135

c) (92 + 51) × 4 = 143 × 4 = 572

Câu 11.

a) Đếm thêm 7: 21, 28, 35, 42, 49, 56

b) Mỗi số hơn số trước 100 đơn vị: 236, 336, 436, 536, 636, 736

Câu 12.

a) 7 × 7 = 49 nên điền dấu «>»

b) 1 kg = 1000 g nên điền dấu «<»

c) 3 m 2 cm = 302 cm nên điền dấu «=»

d) 1/6 của 36 là 6; 1/5 của 15 là 3 nên điền dấu «>»

Câu 13.

a) 45 : 5 = 9 (l)

b) 18 : 3 = 6 (cm)

c) 14 : 2 = 7 (bạn)

Câu 14.

31 : 3 = 10 (dư 1). Còn 1 bạn chưa có chỗ nên cần thêm 1 bàn: 10 + 1 = 11 (bàn).